

HOẠT ĐỘNG NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH (1945 - 1946)

TS NGUYỄN THANH TÙNG

Đại học Quốc gia Hà Nội

Tóm tắt: Hồ Chí Minh là người sáng lập nền ngoại giao Việt Nam hiện đại. Trong giai đoạn 1945-1946, Người đảm nhiệm sứ mệnh nguy hiểm nhất và nặng nề nhất với một phong thái rất riêng biệt, như nhận xét của GS Hoàng Xuân Hãn: “vận mệnh của dân nước đè trên vai một vị thâm niên gầy ốm, nhưng tinh thần tinh anh, mặc tĩnh, thâm trầm và cử chỉ ôn tồn, gãy gọn và kiên quyết”¹. Qua hoạt động ngoại giao những năm 1945-1946 của Hồ Chí Minh, nhiều quốc gia, đảng phái chính trị, lực lượng tiến bộ, dư luận thế giới đã biết đến Việt Nam. Dưới sự dẫn dắt của Người, chỉ chưa đầy một năm rưỡi, Việt Nam đã giành được nhiều thành tựu to lớn, trên nhiều lĩnh vực, đặt nền móng vững chắc cho vị thế của nước Việt Nam tự do, độc lập trên trường quốc tế.

Từ khóa: Hồ Chí Minh; hoạt động ngoại giao; 1945-1946



Thủ tướng Pháp Georges Bidault đón Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm Cộng hòa Pháp, ngày 2-7-1946

1. Tạo lập hình ảnh một quốc gia-dân tộc Việt Nam tự do, độc lập, được sự ủng hộ quốc tế

Trong báo cáo về Việt Nam cuối tháng 8-1945, Archimedes L.A.Patti, người đứng đầu phái bộ tiền trạm OSS đến Hà Nội đã tuyên bố rằng: Việt Nam là một đất nước văn minh, chứ “không phải mọi rợ như vài người vẫn nghĩ”². Cuối tháng 12-1945, phóng viên Mỹ Panlo Hop qua thăm Việt Nam cũng đã tuyên bố rằng “dân tộc Việt Nam là một dân tộc văn minh như các dân tộc khác trên thế giới, rất xứng đáng được hoàn cầu công nhận độc lập”³. Cuối tháng 11-1946, Bộ Ngoại giao Mỹ cử Abbot Low Moffat, Vụ trưởng Vụ Đông Nam Á tới Đông Dương, đánh giá tình hình chung và tìm hiểu bản chất thật của Hà Nội. Moffat là người công khai ủng hộ độc lập của Việt Nam và nói rằng, Mỹ ủng hộ Hiệp định 6-3 và tán thành nỗ lực của Chính phủ Hồ Chí Minh đã “giành được quyền tự trị lớn hơn trong khuôn khổ thể chế dân chủ”⁴.

Việc Hồ Chí Minh khéo léo ký kết Hiệp định sơ bộ 6-3 cũng chứng minh sự thừa nhận quốc tế về một quốc gia có chủ quyền, xứng đáng được hưởng độc lập. Từ đó, Hồ Chí Minh đã nhận lời mời chính thức đến thăm nước Pháp với tư cách là một lãnh tụ tối cao, đại diện cho quốc gia Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Lần đầu tiên trong lịch sử kiều bào “trông thấy lá Quốc kỳ Việt Nam rực rỡ bay trong nước Pháp. Lại trông thấy Chính phủ Pháp tiếp rước Hồ Chủ tịch một cách rất long trọng, và nhân dân Pháp đối với Hồ Chủ tịch một cách rất thân mật, ai cũng nhận thấy rằng lần này là lần đầu, mà dân Việt Nam được mở mắt, mở mày với người ta”⁵.

Tiếng vang của cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp, giành lại quyền lợi dân tộc của Việt Nam đã lan tỏa tới nước Anh. Chính sách can thiệp vào Đông Dương giúp đỡ Pháp của chính

phủ Anh nhằm phục vụ cho những lợi ích riêng đã bị công kích kịch liệt. Sự thật được phơi bày làm cho “72 nghị viện Lao động Anh đã đem những vấn đề Đông Dương và Nam Dương ra chất vấn nghị viện và nghị viện cũng đã thảo luận gay gắt về những vấn đề đó. Đảng Cộng sản Anh yêu cầu Chính phủ rút ngay quân ở miền Nam châu Á về và phải thi hành đúng Hiến chương Đại Tây Dương. Các báo Anh đều lên tiếng kêu gọi Chính phủ phải thay đổi chính sách của Anh tại Á Đông. Ngoài ra còn có “nhiều cuộc vận động lớn của các đoàn thể có thể lực do Đảng Cộng sản và Đảng Lao động Anh ủng hộ để buộc Chính phủ Anh phải thừa nhận nền độc lập của Đông Dương và Nam Dương”⁶. Hội nghị các nước châu Phi họp tại Manchester (Anh) đã ra Lời quyết nghị “ủng hộ cuộc tranh đấu của dân tộc Việt Nam chống lại bọn thực dân Pháp”⁷. Thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh đã gửi điện văn cảm ơn và nói rõ những ý nghĩa to lớn cổ vũ phong trào đấu tranh tiến bộ của các thuộc địa từ Lời quyết nghị này.

Đối với Chính phủ Liên Xô, thời gian này, sự quan tâm tới Đông Dương còn rất hạn chế. Dù Chính phủ không trả lời chính thức những đề nghị ngoại giao mà Việt Nam gửi tới, song, qua các công hàm, các bức thư mà Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm cách chuyển đến Liên Xô, phần nào đã tác động đến dư luận Liên Xô. Nhiều cơ quan thông tin đại chúng ở Liên Xô đã lên tiếng phản đối chiến tranh xâm lược và yêu cầu Liên hợp quốc can thiệp giải quyết vấn đề độc lập cho các dân tộc thuộc địa. Từ *Thời mới* đã đưa ra nội dung “công kích thái độ Anh đã nâng đỡ thực dân Pháp và Hà Lan trong cuộc xâm lăng Đông Dương và Nam Dương”, “nhắc thêm rằng cảm tình của tất cả lực lượng tiến bộ trên thế giới đã hoàn toàn thiên về những dân tộc

hiện đang chiến đấu để giành tự do và rất xứng đáng được hưởng tự do”⁷⁸.

Tháng 6-1946, trên chuyến đi qua Pháp, Hồ Chí Minh qua Ấn Độ, đã đến Calcutta. Người đến thăm một tờ báo của Ấn Độ, trả lời phỏng vấn phóng viên các báo Ấn Độ và báo Anh. Chỉ qua thời gian gặp Hồ Chí Minh rất ngắn, các báo Ấn Độ đều tỏ ý đồng tình với cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc của Việt Nam.

Thái Lan do gần kề các nước Đông Dương, là nơi Hồ Chí Minh đã từng sống và hoạt động cách mạng một thời gian và có nhiều mối quan hệ tốt đẹp với người dân ở đó nên dần dần đã trở thành địa bàn thuận lợi nhất cho bước đột phá của Việt Nam ra thế giới⁹. Từ tháng 3-1946, Chính phủ Thái Lan do ông Dridi Panomyong lãnh đạo thực hiện những chính sách tiến bộ và có nhiều cảm tình với cách mạng Việt Nam. Từ năm 1946, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã lập cơ quan đại diện tại Bangkok với quy chế như cơ quan ngoại giao, có phòng thông tin, được phép xuất bản các bản tin tiếng Việt, Anh, Thái¹⁰.

Chính phủ Mỹ, dù ủng hộ Pháp, song Hồ Chí Minh và chính quyền Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa cũng nhận được rất nhiều cảm tình và ủng hộ quan trọng, nhất là từ nhân dân Mỹ. Qua các cuộc tiếp xúc với các sĩ quan Mỹ, các thương gia Mỹ, Việt Nam còn biết rõ thêm âm mưu, thủ đoạn của các thế lực đế quốc để kịp thời đối phó¹¹. Tờ *New York Times*, ra ngày 27-9-1945, viết: “Dân chúng Việt Nam đã nhiều lần nổi dậy trong thời đô hộ Pháp, song những cuộc nổi dậy ấy không bao giờ quan trọng bằng bây giờ... Các nhà ái quốc ở những nơi này rõ ràng đòi thiết lập một Chính phủ độc lập và kết liễu chính sách thực dân. Người Việt Nam nhất định không trở lại dưới quyền người Pháp vì cái chính sách thuộc địa cũ rích của Pháp và Hà Lan là một sự đe dọa rõ ràng cho hòa bình

không thể dung thứ được”¹². Như vậy, hình ảnh của Việt Nam đang đấu tranh bảo vệ nền độc lập dân tộc đã hiện rõ trong mắt nhân dân Mỹ. Từ đó, sự ủng hộ đối với Chính phủ và nhân dân Việt Nam, phản đối ý đồ thống trị của thực dân Pháp ngày càng rõ hơn. Gallagher, chỉ huy USMAAG, cố vấn Mỹ được biệt phái tới đội quân của Lur Hán, đã viết trong thư gửi tướng Robert McClure, ngay sau khi đến Hà Nội rằng: “Nói thật, tôi mong những người An Nam có thể được trao cho độc lập” và công nhận ngầm Chính phủ Lâm thời là Chính phủ hợp pháp của Việt Nam¹³. Phelan, điệp viên của AGAS ban đầu đã từng phản đối nhảy dù xuống căn cứ của Việt Minh, đã trở thành một người bạn, người ủng hộ nền độc lập của Việt Nam; lúc bắt đầu làm nhiệm vụ, Phelan cần nhằn rằng Hồ Chí Minh là cộng sản, nhưng sau khi tiếp xúc với Người, đã nhận xét rằng “Ông ta là một người hết sức đáng mến”¹⁴. Vào những ngày cuối cùng của tháng (8-1945), Patti điện về Côn Minh, giải thích rằng Việt Minh “nắm quyền kiểm soát hoàn toàn”, “được tổ chức tốt”, và như thường lệ, kiên quyết duy trì nền độc lập “thậm chí có phải hy sinh tính mạng”. “Họ cảm thấy họ không có gì để mất”, ông nói thêm, “tất cả để giành được tự do”¹⁵. Patti còn tuyên bố: “Người Pháp không có vai trò gì trong các cuộc thảo luận giữa Đồng minh và Nhật tại Đông Dương. Đồng Minh không giúp đỡ hoặc cho phép quân đội Pháp quay trở lại. Khi phái đoàn chính thức của Đồng Minh đến tiếp nhận sự đầu hàng của Nhật, các công dân Việt Nam nên tổ chức các cuộc biểu tình hoà bình đòi độc lập”¹⁶. Nhìn chung, các kết quả báo cáo của Mỹ từ Hà Nội hầu như liên tục ca ngợi quyền kiểm soát thành phố của Việt Minh, mô tả Hồ Chí Minh là “người theo chủ nghĩa dân tộc thuần túy”; biểu thị rất ít sự cảm thông đối với người Pháp¹⁷.

2. Loại bỏ những kẻ thù nguy hiểm để tập trung đối phó với Pháp; làm suy giảm ý chí, sức mạnh thực dân của Pháp; kéo dài thời gian hòa hoãn, tăng cường sức mạnh dân tộc, chủ động chuẩn bị kháng chiến

Một trong những mục tiêu của hoạt động ngoại giao Hồ Chí Minh trong giai đoạn này là loại bỏ tối đa kẻ thù và các thế lực gây cản trở cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc Việt Nam.

Đối với sự có mặt của hàng chục vạn quân Nhật ở Đông Dương là nguy cơ, thách thức cho chính Nhà nước Việt Nam mới. Bằng việc tuân thủ các Hiệp định ngoại giao quốc tế, giúp đỡ cho việc giải giáp quân đội và bằng một số biện pháp ngoại giao mềm dẻo, linh hoạt khác, Hồ Chí Minh đã tạo điều kiện cho lễ tiếp nhận sự đầu hàng của quân Nhật (diễn ra phía Bắc ngày 28-9-1945, ở phía Nam ngày 30-11-1945) diễn ra êm thấm, người lính

Nhật cuối cùng đã phải rời khỏi Đông Dương ngày 26-3-1946 thuận lợi. Sự cảm hóa đặc biệt của ngoại giao Hồ Chí Minh đã giúp nhiều bộ phận trong quân đội Nhật nhận thức rõ về cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân Việt Nam, có cảm tình với Việt Nam, một số ít sĩ quan binh lính Nhật không muốn về nước, xin tình nguyện ở lại tham gia chiến đấu với Việt Nam.

Đội quân Tưởng Giới Thạch cùng những tổ chức phản động đã không thể thực hiện được âm

mưu “diệt Cộng, cầm Hồ”, với cuồng vọng biến Việt Nam trở thành thuộc, tiền đồn bảo vệ cho vùng biên giới phía Nam Trung Hoa. Sau khi Hồ Chí Minh ký kết được Hiệp định sơ bộ 6-3-1946, quân Tưởng rút về nước, và ngày 18-9-1946, đơn vị lính Tưởng cuối cùng rút khỏi Hải Phòng theo đúng áp lực pháp lý của quốc tế. Việt Nam giữ vững được vị thế của một quốc gia độc lập trong hoàn cảnh ngặt nghèo, có thêm điều kiện để chuẩn bị sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến không thể tránh khỏi là thực dân Pháp.

Tư tưởng và hoạt động ngoại giao Hồ Chí Minh trong những năm 1945-1946 đã đem lại nhiều thành quả quan trọng. Tư tưởng ngoại giao chủ đạo “đĩ bất biến ứng vạn biến” thông qua các sách lược như: “chớp thời cơ”, “tâm công thêm bạn bớt thù”, “nhân nhượng có nguyên tắc”, “hòa để tiến”, “mở rộng và liên kết lợi ích quốc tế”... là những minh chứng rất rõ tinh thần yêu chuộng hòa bình của Hồ Chí Minh, là cơ sở nền tảng cho nền ngoại giao Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh.

Hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh tại Pháp năm 1946 đã đem lại nhiều hiểu biết và ủng hộ Việt Nam. Rất nhiều tờ báo đã đăng bài ca ngợi nhân cách Hồ Chí Minh, bày tỏ ủng hộ cuộc đấu tranh ngoại giao Việt Nam thông qua phương tiện hữu ái giữa hai dân tộc, công kích một số tờ báo ủng hộ âm mưu tái thực dân hóa của Pháp ở Đông Dương, và khẳng định rằng điều đó chỉ làm hỏng tình thân thiện giữa

hai dân tộc Pháp-Việt và làm vậy là “có hại cho Tổ quốc Pháp”¹⁸.

Tổng hợp những thành quả ngoại giao sau khi đi Pháp về, Hồ Chí Minh nói: “trong mấy tháng giời ở Pháp, tôi và phái đoàn đã làm được việc gì? 1. Chúng tôi đã đem lá quốc kỳ Việt Nam qua đến nước Pháp. Lá quốc kỳ ta đã được Chính phủ Pháp và nhân dân Pháp trọng thị, đã được người các nước trọng thị. 2. Chúng tôi đã làm cho Chính phủ và nhân dân Pháp chú ý và hiểu rõ vấn đề Việt Nam hơn trước. Mà thế

giới cũng chú ý và hiểu rõ vấn đề Việt Nam hơn trước. 3. Chúng tôi đã làm cho số đông người Pháp trở nên bạn hữu của dân Việt Nam, hết sức tán thành Việt Nam độc lập và Việt-Pháp cộng tác một cách thật thà, bình đẳng. 4. Chúng tôi đã làm cho địa vị các đoàn thể thanh niên, phụ nữ và lao động Việt Nam được nâng cao thêm, vì các tổ chức thế giới đã công nhận các đoàn thể ta là hội viên”¹⁹.

Công cuộc ngoại giao Hồ Chí Minh 1945-1946 đã gặt hái được rất nhiều thành quả, gây dựng làn sóng ủng hộ Việt Nam ngay trong lòng nước Pháp. Chính người Pháp phải thừa nhận “Hồ Chí Minh đã đánh chìm chủ nghĩa thực dân Pháp nhưng vẫn giữ được hữu nghị với nhân dân Pháp”²⁰. Ngay sau khi Hội nghị Fontainebleau tan vỡ, Hội Nhân quyền Pháp viết thư và phái đại biểu chất vấn Chính phủ Pháp. Làn sóng phản chiến và ngại chiến đã lan tỏa trong tâm thức người Pháp không chỉ do xu thế của quốc tế lúc bấy giờ, mà còn do ảnh hưởng ngoại giao quan trọng mà Hồ Chí Minh và Việt Nam đã tạo ra. Một nhà báo viết về tình cảnh người Pháp tại Hà Nội lúc đó rằng: “Người Pháp đi lại tự do trong thành phố, tập trung với tâm trạng thất vọng tại các cửa hàng bánh ngọt, quán bar, và các tiền sảnh khách sạn, cố an ủi nhau thoát khỏi cảm giác bị bẽ mặt và tư tưởng chủ bại đang bám chặt họ”²¹.

Ở cấp độ quốc tế, theo nhà nghiên cứu Stein Tonnesson, cho đến năm 1946, thậm chí những siêu cường quốc như “Trung Quốc, Anh, Mỹ và Liên bang Xô viết muốn Pháp tỏ ra kiềm chế và hợp tác với Việt Nam”²².

Như vậy, thực dân Pháp đã bị tước bỏ dần gần hết nguồn sức mạnh mềm và phần nào nguồn sức mạnh cứng mà họ đã bỏ bao công sức gây dựng nhằm phục vụ cho công cuộc tái thực dân hóa Việt Nam do mất đi rất nhiều

nguồn lực ủng hộ ở trong nước và ở ngoài nước. Họ sẽ thua chắc chắn về mặt ngoại giao nếu cứ tiếp tục đàm phán với Hồ Chí Minh nên một số lãnh đạo cấp cao của Pháp tại Đông Dương buộc phải dùng thủ đoạn gây hấn để gây ra một cuộc chiến tranh Đông Dương kéo dài gần 10 năm trong vô vọng nữa.

Mục tiêu quan trọng của ngoại giao Việt Nam thời gian này là nếu chiến tranh với Pháp nổ ra thì phải kéo dài thời gian trước chiến tranh nhằm tăng cường thực lực đối phó. Với sự xuất hiện đồng thời cả hai phe hiếu chiến là Pháp và Tưởng tại Việt Nam và luôn lăm le sở hữu Việt Nam, Hồ Chí Minh đã khéo léo tránh khỏi cuộc chiến tranh nổ ra với Trung Hoa Dân quốc và kéo dài được thời gian nổ ra cuộc chiến tranh với Pháp. Stein Tonnesson đã viết rằng: “Mặc dù Tưởng Giới Thạch chính thức có chiến tranh với phe cộng sản Trung Quốc, nhưng lực lượng của Tưởng ở Bắc Đông Dương chung sống hòa bình với chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mà nòng cốt là cộng sản, và còn khuyến khích sự hợp tác giữa chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và các đảng chống cộng như Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội”²³. Ngoại giao Hồ Chí Minh đã đạt được sự hòa hoãn quan trọng với Trung Hoa Dân quốc, giúp Việt Nam có nhiều điều kiện thời gian để xây dựng và củng cố lực lượng, phục vụ cho mặt trận ngoại giao với Pháp và chuẩn bị cho cuộc kháng chiến sắp diễn ra.

3. Xây dựng cơ sở nền tảng cho nền ngoại giao hiện đại

Trong những năm 1945-1946, Hồ Chí Minh đã xây dựng được một bộ máy ngoại giao hiện đại, chuyên nghiệp. Những cán bộ Việt Minh đã được tiếp cận với ngành ngoại giao với đầy đủ cơ cấu và nhiệm vụ rành mạch. “Một bộ máy

ngoại giao của một nhà nước mới về tư tưởng, cơ cấu tổ chức, chính sách, nghệ thuật và tổ chức triển khai hoạt động trong thực tiễn. Dưới sự điều dắt của Người, nền ngoại giao mới theo định hướng độc lập, tự chủ đã tham gia năng động vào sự nghiệp bảo vệ thành quả của cách mạng”²⁴. Với uy tín của Hồ Chí Minh, được Người điều dắt và chỉ đạo, bộ máy ngoại giao ngay từ khi hình thành đã góp phần không nhỏ vào thành công của hoạt động ngoại giao Việt Nam lúc đó.

Hồ Chí Minh đã để lại cho sự nghiệp ngoại giao Việt Nam di sản tinh thần vô cùng quan trọng, đó là những mối quan hệ tốt đẹp Hồ Chí Minh đã gây dựng trên phạm vi quốc tế. Truyền thống ngoại giao tốt đẹp trong thời hiện đại của Việt Nam có thể nói, đã bắt đầu từ những năm 1945-1946, mà người đặt nền móng là Hồ Chí Minh.

Trong những năm 1945-1946, ngoại giao Việt Nam đã đạt được nhiều thành quả quan trọng: xây dựng và quảng bá hình ảnh của một nước Việt Nam mới trên trường quốc tế, thu hút được sự ủng hộ của nhiều quốc gia, đảng phái chính trị, lực lượng tiến bộ, du luận, nhân dân và nhiều nhân vật nổi tiếng trên thế giới... Lãnh tụ ngoại giao Hồ Chí Minh dẫn dắt toàn dân tộc vượt qua rất nhiều rào cản hết sức khó khăn, gian khổ, bất trắc, để Việt Nam vững bước vươn lên trong vị thế của một quốc gia tự do, độc lập. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng từng nhận xét: “Nếu lúc bấy giờ không có Hồ Chí Minh thì khó lường hết cái gì có thể xảy ra”²⁵.

Trong giai đoạn lịch sử đặc biệt 1945-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tạo ra tiếng vang lớn trên trường quốc tế, là một trang vàng trong lịch dân tộc Việt Nam, ghi dấu ấn trong nhân loại. Di sản ngoại giao Hồ Chí Minh, cả hoạt động thực tiễn cùng

kinh nghiệm, giá trị lý luận là vốn quý trong kho tàng lịch sử tư tưởng dân tộc, luôn cần được tiếp tục được nghiên cứu, phát triển để xây dựng đất nước Việt Nam “sánh vai với cường quốc năm châu” trong giai đoạn hiện nay.

1. *Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử*, Nxb CTQG, H, 2006, T. 3, tr. 40

2, 13, 15, 16, 17, 21. Dixee R.Bartholomew-Feis: *OSS và Hồ Chí Minh-Đồng minh bất ngờ trong cuộc chiến chống phát xít Nhật*, Nxb Thế giới, H, 2007, tr. 357, 391-392, 368, 357, 453, 453

3, 5, 6, 7, 8, 12, 18, 19. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 4, tr. 151, 421-422, 151-152, 71, 151, 150, 418, 468-469

4. William J.Duiker: *Ho Chi Minh A life*, Hyperion, New York, 2000, p. 390

9, 10, 11. Xem Đặng Văn Thái: “Việt Nam quan hệ thân thiết với các nước Thái Lan, Ấn Độ, Miến Điện (1946-1950)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (số 123) 2-2001, tr. 41, 41, 41

14. Lưu Anh Rô: “Tư tưởng hòa hiếu của Bác Hồ với nước Mỹ”, *Tạp chí Xưa và Nay*, (số 443) 2014, tr. 9

20. Nguyễn Khắc Huỳnh: *Ngoại giao Việt Nam-Phương sách và nghệ thuật đàm phán*, Nxb CTQG, H, 2006, tr. 38

22, 23. Stein Tonnesson: *Việt Nam 1946-Chiến tranh bắt đầu như thế nào*, Nxb CTQG, H, 2013, tr. 431, 64

24. Nguyễn Phúc Luân: *Chủ tịch Hồ Chí Minh-Trí tuệ lớn lao của nền ngoại giao Việt Nam hiện đại*, Nxb CTQG, H, 1999, tr. 28-29

25. Bộ Ngoại giao: *Bác Hồ và hoạt động ngoại giao-Một vài kỷ niệm về Bác*, Nxb CTQG, H, 2008, tr. 18.